

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 168/2023/HS-ST
Ngày: 28-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Đình Phi

2/ Ông Nguyễn Mậu Thế

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Non - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 161/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thị Xuân T, sinh năm 1992; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT: số nhà 1046, Quốc lộ 20, thị trấn LN, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: số nhà 7/1, đường LQ, thị trấn LN, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông: Lê Xuân T; con bà Nguyễn Thị T K, sinh năm: 1969; anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/6/2023 đến ngày 21/6/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1990; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT và cư trú: số nhà 10/12, đường Đ Đ, thị trấn LN, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Hữu B, sinh năm 1963; con bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1962; Anh, chị, em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1996, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị Kim Y (đã ly hôn); con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 94/QĐ-XPHC ngày 04/10/2019, bị cáo bị Công an huyện Đ xử phạt 6.000.000đ

về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác và cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, ngày 14/10/2019, bị cáo đã nộp phạt; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/6/2023 đến ngày 21/6/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1980; nơi sinh: N; nơi ĐKNKTT: thôn P, xã PH, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: số nhà 47, đường HN, thị trấn LN, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Tấn Tài, sinh năm 1957; con bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm: 1961; anh, chị, em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1986, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/6/2023 đến ngày 21/6/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Họ và tên: Trần Thị H1, sinh năm 1963; nơi sinh: Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT: số nhà 96, đường Trần Hưng Đạo, tổ 4, thị trấn LN, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: số nhà 87/37/7, đường LH, thị trấn LN, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông: Trần Đình N (đã chết); con bà Nguyễn Thị V (đã chết); anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1978, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; chồng: Lê Trọng T, sinh năm 1956; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/6/2023 đến ngày 21/6/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 18/6/2023, tại nhà của Lê Thị Xuân T ở 7/1 LQ, TT LN, Đ, gồm có Lê Thị Xuân T, Nguyễn Thị Như T, Trần Thị H1 và một người phụ nữ tên H1 (không rõ lai lịch) đánh bài thắng thua bằng tiền dưới hình thức bài phỏm, không đầu chón, mức độ ăn thua mỗi ván từ 20.000đ đến 300.000đ. Đến khoảng 15 giờ 10 phút cùng ngày thì người phụ nữ tên H1 nghỉ chơi nên Nguyễn Hữu Đ vào đánh bạc cùng T, T và Trần Thị H1. Các bị cáo tham gia đánh bạc đến 15 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc gồm số tiền 3.100.000đ, 02 bộ bài tây đã qua sử dụng, tiền xâu 60.000đ, một khăn trải bàn màu xanh, một hộp nhựa đựng tiền xâu. Thu giữ trong người Đ 4.800.000đ, T 530.000đ, T 240.000đ. Quá trình điều tra, T, Đ, T, H1 Ki nhận: số tiền để trên chiếu bạc và cất trong người được các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Các công cụ, pH1 tiện để đánh bạc do Lê Thị Xuân T chuẩn bị nhằm thu xâu.

Như vậy, tổng số tiền Lê Thị Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Như T và Trần Thị H1 đánh bạc là 8.730.000đ (tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn Ki báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định.

Về vật chứng: quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tạm giữ số tiền 8.730.000 đ, 02 bộ bài tây đã qua sử dụng, một khăn trải bàn màu xanh, một hộp nhựa màu trắng. Đến nay, Cơ quan CSĐT đã chuyển Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 159/CT - VKS ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đ để xét xử đối với các bị cáo: Lê Thị Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Như T, Trần Thị H1 về tội “*đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm n, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Xuân T từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như T từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị H1 từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn Ki báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hoạt động điều tra, truy tố của điều tra viên, kiểm sát viên thì thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng.

Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã Ki nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau: vào ngày 18/6/2023, tại nhà bị cáo Lê Thị Xuân T ở 7/1 đường LQ, thị trấn LN, huyện Đ, gồm có các bị cáo Lê Thị Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Như T và Trần Thị H1 đánh bài ăn thua bằng tiền dưới hình thức bài phỏm, mức độ ăn thua mỗi ván từ 20.000đ đến 300.000đ. Các bị cáo đánh bạc từ khoảng 14 giờ 30 phút đến khoảng 15 giờ 10 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 8.730.000đ.

Xét lời Ki của các bị cáo phù hợp với lời Ki tại Cơ quan điều tra, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: hành vi của các bị cáo Lê Thị Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Như T, Trần Thị H1 đã phạm vào tội “đánh bạc”, tội phạm và hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là người có sức khỏe, có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi “đánh bạc” là tệ nạn xã hội, sẽ làm phát sinh ra các tệ nạn xã hội khác và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì lười lao động và muốn thu lợi nhanh chóng nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự xem thường pháp luật, hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa pH1, làm giảm hiệu lực quản lý trật tự xã hội của nhà nước.

[4] Về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án:

- Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: đây là sòng bạc tự phát, các bị cáo Lê Thị Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Như T, Trần Thị H1 không có sự thống nhất, bàn bạc từ trước nên cần xác định vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo Lê Thị Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Như T, Trần Thị H1 cùng tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền nên các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn Ki báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo khi lượng hình. Bị cáo Lê Thị Xuân T phạm tội khi đang mang thai nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Hữu Đ là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa pH1, còn gia

đình bị cáo Trần Thị H1 có công với cách mạng nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Trần Thị H1 khi quyết định hình phạt là phù hợp.

[5] Từ những phân tích nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Lê Thị Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Như T, Trần Thị H1 nhất thời phạm tội, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: quá trình điều tra thu giữ gồm:

- Đối với 02 bộ bài tây đã qua sử dụng, một khăn trải bàn màu xanh, một hộp nhựa màu trắng các bị cáo sử dụng để đánh bạc; xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 8.730.000đồng, các bị cáo thừa nhận đã sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích đánh bạc nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là đúng pháp luật.

[7] Đối với những người phụ nữ tên H1, quá trình điều tra chưa xác định được thông tin đối tượng nên đề nghị Công an huyện Đ tiếp tục điều tra, xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: buộc các bị cáo Lê Thị Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Như T, Trần Thị H1 mỗi bị cáo phải chịu án 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Như T, Trần Thị H1 phạm tội “*đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm n, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thị Xuân T:

Xử phạt bị cáo Lê Thị Xuân T số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ số tiền 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Như T:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như T số tiền 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Thị H1:

Xử phạt bị cáo Trần Thị H1 số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây đã qua sử dụng, một khăn trải bàn màu xanh, một hộp nhựa màu trắng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 8.730.000đ (tám triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1096549.00000 lập ngày 18/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ).

3. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo Lê Thị Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Như T, Trần Thị H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo. để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu HS,AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Vũ

